

BẤT ĐỊNH CHÍNH SÁCH KINH TẾ VÀ CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG

Nguyễn Hoàng Diệu Hiền^{1*}

¹Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

*Tác giả liên hệ: Email: hiennhd@uel.edu.vn

Ngày nhận: 24/09/2025

Ngày chấp nhận: 21/11/2025

Ngày đăng: 25/08/2026

DOI: 10.52932/jfmr.v17i4.1110

Phụ lục 1. Thống kê biến

	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Mô tả
Kemminhbach	0.005	0.003	0.001	0.010	Phần dư từ mô hình dự phòng (accruals model), đo lường mức độ kém minh bạch trong báo cáo tài chính
Noxau	0.013	0.005	0.007	0.026	Tỷ lệ nợ xấu, được tính bằng tổng nợ xấu chia cho tổng dư nợ
Quymo	11.640	1.253	9.583	13.968	Logarit tự nhiên của tổng tài sản
Von	0.093	0.038	0.047	0.185	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản
Thanhkhoan	0.184	0.080	0.072	0.355	Tỷ lệ tài sản thanh khoản trên tổng tài sản
Loinhuan	0.009	0.006	0.000	0.022	Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA)
Canhtranh	0.370	0.116	0.166	0.575	Thị phần tổng tài sản của 5 ngân hàng lớn nhất trong hệ thống
Niemyet	0.371	0.484	0.000	1.000	Biến giả nhận giá trị 1 nếu ngân hàng niêm yết trên thị trường chứng khoán, 0 nếu không niêm yết
GEPU	5.124	0.339	4.663	5.763	Chỉ số bất định chính sách kinh tế toàn cầu do Baker và cộng sự (2016) công bố
Khunghoang2008	0.131	0.337	0.000	1.000	Biến giả nhận giá trị 1 trong các năm xảy ra khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008–2009
Covid19	0.131	0.337	0.000	1.000	Biến giả nhận giá trị 1 trong giai đoạn ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 (2020–2021)

Phụ lục 2. Ma trận hệ số tương quan

	Kemminhbach	Noxau	Quymo	Von	Thanhkhoan	Loinhuan	Canhtranh	Niemyet	GEPU	Khunghoang2008	Covid19
Kemminhbach	1.00										
Noxau	0.42	1.00									
Quymo	0.37	0.41	1.00								
Von	-0.10	-0.22	-0.38	1.00							
Thanhkhoan	-0.34	-0.07	-0.30	0.13	1.00						
Loinhuan	0.08	0.00	0.16	0.34	0.11	1.00					
Canhtranh	0.03	0.10	0.13	-0.02	0.07	0.09	1.00				
Niemyet	0.08	0.13	0.38	-0.17	-0.14	0.32	0.02	1.00			
GEPU	-0.32	0.08	0.43	-0.22	-0.23	0.15	0.04	0.30	1.00		
Khunghoang2008	-0.15	-0.18	-0.33	0.24	0.29	0.16	0.16	-0.17	-0.40	1.00	
Covid19	0.13	0.05	0.25	-0.11	-0.10	0.11	0.10	0.20	0.34	-0.15	1.00

Phụ lục 3. Danh sách ngân hàng

STT	Tên ngân hàng	Số quan sát
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn	12
2	Ngân hàng TMCP Á Châu	17
3	Ngân hàng TMCP An Bình	17
4	Ngân hàng TMCP Bắc Á	17
5	Ngân hàng TMCP Bản Việt	17
6	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	13
7	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	15
8	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	17
9	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	17
10	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	17
11	Ngân hàng TMCP Đông Á	13
12	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	15
13	Ngân hàng TMCP Hàng Hải	17
14	Ngân hàng TMCP Kiên Long	15
15	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương	17
16	Ngân hàng TMCP Nam Á	17
17	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	17
18	Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh	17
19	Ngân hàng TMCP Phương Đông	17
20	Ngân hàng TMCP Quân Đội	17
21	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	17
22	Ngân hàng TMCP Quốc Tế	16
23	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	13
24	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	17
25	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	17
26	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	17
27	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	15
28	Ngân hàng TMCP Việt Á	15
29	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	15
30	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	15
31	Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	8
32	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	17
33	Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	7
34	Ngân Hàng TNHH MTV Đại Dương	8
35	Ngân Hàng TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu	8
36	Ngân Hàng TNHH MTV Xây dựng Việt Nam	8